

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 09-KH/BCĐ ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-SXD ngày 22/01/2026 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về chuyển đổi số năm 2026;

Thực hiện công văn số 3491/SXD-QLCLCT, ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc triển khai phổ biến qui định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng An Hậu;

Công ty CP tư vấn Đầu tư xây dựng An Hậu công bố, công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau;

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN HẬU

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 6300135030 đăng ký lần đầu ngày 13/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 18 tháng 06 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

Địa chỉ: Số 15/15 Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0918.888.500

Mã số thuế: 6300135030

Đáp ứng các yêu cầu chung: Tiêu chuẩn quốc gia ISO 17025:2017

2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Phòng thí nghiệm công trình xây dựng giao thông LAS-XD 01.001

Địa chỉ: Số 06, Đường số 04 Khu Đô Thị Cồn Tiên, xã Vĩnh Hậu, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0918.888.500

Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
1.	Xác định độ mịn của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật chính xác 1g $\pm 0.0005g$, đồng hồ bấm giây, bình Le chatelier, nhiệt kế	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
2.	Khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Bình Le chatelier, cân kỹ thuật chính xác 0.01g, bể ổn nhiệt	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
3.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009)	Khuôn 40x40x160mm, bàn đằn, máy trộn, máy thử độ bền uốn, máy nén, tủ dưỡng hộ, cân kỹ thuật chính xác 1g, đồng hồ bấm giây	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
4.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012	Cân kỹ thuật chính xác 1g, đồng hồ bấm giây, ống đong có vạch chia, máy trộn, thước $\pm 5mm$, bộ vicat Dụng cụ Le Chatelier, thùng lược mẫu, tủ dưỡng hộ	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
II.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GÓC			

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật 1g, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
6.	Xác định thành phần cỡ hạt, modul	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn, Máy lắc sàng, Tủ sấy (105 ± 5)°C	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
7.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích, độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy, Bình dung tích, Thùng ngâm mẫu, Cân thử độ sụt của cốt liệu, Dụng cụ hình nón 40mm, đường kính lớn 90mm, chiều cao 75mm, Phễu, Que chọc, Bình hút ẩm, Sàng cỡ kích thước mắt sàng 5mm và 0,140mm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
8.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Cân thủy tĩnh chính xác 1%, và có giỏ đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105 ± 5)°C	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
9.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đóng, cân kỹ thuật 30kg/5g, phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến $300^{\circ}\text{C}/1^{\circ}\text{C}$, thước lá kim loại.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
10.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1\text{g}$, tủ sấy đến $300^{\circ}\text{C}/1^{\circ}\text{C}$, hộp đựng mẫu.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
11.	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1\text{g}$, tủ sấy đến $300^{\circ}\text{C}/1^{\circ}\text{C}$, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Bản màu chuẩn so sánh , ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
13.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006;	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
14.	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, xi lanh bằng thép đk 75mm, 150mm, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), sàng tiêu chuẩn 5mm;2.5mm;1,25mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
15.	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, máy quay mài mòn Los Angeles.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
16.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật 30kg/1g , bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
17.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006	Cân kỹ phân tích d=0.0001g, Cân kỹ thuật có độ chính xác d =0.1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, lò nung 1000 ⁰ C/ 1 ⁰ C, cối chày đồng, Bình phản ứng bằng thép không rỉ.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
18.	Xác định hàm lượng ion	TCVN7572-15:2006	Cân kỹ phân tích	Cao Minh Thu

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Clorua		d=0.0001g, Cân kỹ thuật có độ chính xác d =0.1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chày đồng, sàng tiêu chuẩn 0.14mm, máy hút chân không, bếp cách điện, giấy lọc, chén sứ, hóa chất HCL, HF,NaOH,	Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
III. THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
19.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt + tấm đế , que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 300mm, đồng hồ bấm giây.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
20.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân đĩa 30kg (d=1g) , dao thép gạt mẫu, búa cao su	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
21.	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 300 ⁰ c (±1 ⁰ C), sàng 5mm ;1.25,0.125mm , nước cất, bình hút ẩm.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
22.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), tủ sấy 3000c (±1 oC), khăn lau, bàn chải, đá mài.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
23.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022		Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Minh Đức Phan Minh Hiền
24.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm HS -40 đồng hồ áp (0-4MPa), bàn chải sắt, paraffin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
25.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
26.	Xác định thành phần cấp phối của bê tông	Số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tầm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
27.	Xác định thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tầm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
28.	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tầm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm, đồng hồ bấm giây	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
IV. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG				
29.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009	Thước thép, thước kẹp.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
30.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén 300kN, thước	Cao Minh Thu

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			kim loại, các miếng kính, bay, chảo, máy cắt.	Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
31.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén + bộ gối uốn, thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
32.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy 300 ⁰ C/1 °C, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
33.	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy 300 ⁰ C/1 °C, cân kỹ thuật, thước lá kim loại.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
34.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Búa con, sàng 0,2mm, tủ sấy 300 ⁰ C/1°C, bình hút ẩm, cân, bình cổ cao, dầu hỏa...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
V. THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG				
35.	Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thước thép dài 500mm, 1000mm (1mm), thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm)	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
36.	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật 30kg (1g), Thước lá kim loại dài 500mm, tấm kính, cát tiêu chuẩn khô, cọ quét, mui xúc cát	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
37.	Xác định cường độ bền nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Máy nén TYA 2000kN (d=0,1kN), bộ gá nén mẫu 200x400mm, Thước lá thép, tấm kính, bay, chảo	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
38.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy đến 300 ^o c (±1 °C), cân kỹ thuật 30kg(1g).	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
				Phan Minh Hiền
39.	Xác định độ thấm nước của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử thấm, tủ sấy đến 300 ^o c (± 1 ^o C), cân kỹ thuật 30kg (1g)	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
VI. THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
40.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước thép dài 500mm,1000mm (1mm), thước kẹp điện tử 200mm (0.01mm).	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
41.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999	Máy nén TYA 2000kN (d=0,1kN), bay, chảo, các miếng kính, bộ má ép (120x60) dày ≥ 15 mm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
42.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300 ^o C/1 ^o C, thùng ngâm mẫu	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
43.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	Máy mài, cân kỹ thuật có độ chính xác 1 g	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
VII. THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
44.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall gia tải 50.5mm/min gồm: khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng. Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bệ ổn nhiệt duy trì 60oC, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.	
45.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm, Giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đong,	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ...	
46.	Xác định thành phần hạt hỗn hợp bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng vuông (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075) tử sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
47.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, Áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tử sấy, khay sấy mẫu, giỏ lau.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
48.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tử sấy, nhiệt kế...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
49.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa, cân, giỏ lau, nước đá, nước sôi máy đầm mẫu...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
50.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tử sấy, nhiệt kế, giỏ lau...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
51.	Thí nghiệm vệt hằn bánh xe	TCVN 13567-1:2022	Cân có độ chính xác là 0,1 g, Các tử sấy dùng để làm nóng cốt liệu và nhựa đường, các thiết bị, dụng cụ để trộn mẫu hỗn hợp nhựa. Thiết bị thử nghiệm vệt hằn bánh xe, hệ thống kiểm soát nhiệt độ, hệ thống đo biến dạng, thiết bị đếm số lần tác	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			dụng của bánh xe tải, hệ thống giữ mẫu dạng tấm hoặc trụ tròn.	
VIII. THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM				
52.	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa, lon	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiển
53.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiển
54.	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiển
55.	Xác định T° hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Khuôn tròn, bi tròn, vòng, tấm lót, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế, nước cất, Glyxerin, Etylen glycol chất bôi trơn...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiển
56.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị cốc mở Cleveland	TCVN 7498:2005	Thiết bị cốc hở Cleveland (thủ công), thiết bị cốc hở Cleveland (tự động), dụng cụ đo nhiệt độ, ngọn lửa thử...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiển
57.	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt 163 ⁰ c, 5h	TCVN 7499:2005	Cân kỹ thuật, bát sắt, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấy, kết cấu, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiển
58.	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2023	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá,	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiển

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			bình Erlenmeyer, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích...	
59.	Xác định khối lượng riêng ở 25 ⁰ C	TCVN 7501:2005	Bình tỷ trọng kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, chậu, nước cất, nước đá...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
60.	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005	Nhớt kế, nhớt kế Cannon-Fenke, nhớt kế Zeitfuch, nhớt kế Lantz-Zeitfuch, nhớt kế BS chữ U, nhiệt kế, bể, dụng cụ đo thời gian, các dụng cụ điện tử đo thời gian...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
61.	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005	Máy đo hàm lượng paraffin , tủ sấy 300 ⁰ C/1 ⁰ C, nhiệt kế, bình chưng cất, Cân kỹ thuật 300g/0.01g	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
62.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế, viên đá 20x40mm...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
63.	Chỉ số độ kim lún PI (TT 27/2014/BGTVT)	TCVN 7495:2005	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyên tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
IX. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỘP				
64.	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:2023	Máy kéo nén 100kN(d= 0.001 kN), thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên
65.	Xác định độ hút nước, thời gian xuyên nước	TCVN 4313:2023	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thước cặp điện tử	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiên

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			200mm/0.01mm, bình hút ẩm, bình hút chân không, bể ngâm mẫu.	
66.	Xác định khối lượng 1m ² gói bão hòa nước	TCVN 4313:2023	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, Bể nước ngâm mẫu.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
X. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG				
67.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
68.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bình tỷ trọng, cối chà sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, tỷ trọng kế, bếp cách cát.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
69.	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, cối chà sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
70.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chà sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
71.	Xác định thành phần hạt	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 0,25, 0,1mm), cối và chà sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.	
72.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995	Máy cắt một phẳng – Loại A: lực cắt tác dụng trực tiếp, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
73.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén lún (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng đồng hồ so 10mm (0,01mm), dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C), Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g)	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
74.	Xác định độ đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), hộp nhôm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
75.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C), bình hút ẩm.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
76.	Xác định sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06, TCVN 12792:2020	Máy nén CBR 1.27mm/ph, đồng hồ đo biến dạng, chày đầm, cối D152.4mm, tấm đệm ga tải, thùng ngâm mẫu, tủ	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			sấy, cân, sàng 50;19;4.75mm, giấy lọc, chảo, bay trộn, dụng cụ làm bằng mặt mẫu.	
XI. KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG				
77.	Thử kéo (thép tấm, thép thanh, bulong)	TCVN 197-1:2014; ASTM A370, (ISO 6892-1)	Máy thử độ bền kéo nén model: WB600-600kN/0.5kN, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
78.	Thử kéo (thép tấm, thép thanh, bulong)	TCVN 198:2008; ISO 7437	Máy thử độ bền kéo nén model: WB600-600kN/0.5kN; bộ gối uốn	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
79.	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010; (ISO 5173:2009)	Máy thử độ bền kéo nén : WB600-600kN/0.5kN, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
80.	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại – thử kéo	TCVN 5403:2010	Máy thử độ bền kéo nén : WB600-600kN/0.5kN, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
81.	Kiểm tra khuyết tật đường hàn bằng phương pháp không phá hủy – Phương pháp bột từ	TCVN 4396:2018	Thiết bị kiểm tra từ tính- model MP-A2D, bột từ	Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
XII. THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT – BẮC THẨM VÀ VỎ BỌC BẮC THẨM VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT				
82.	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài khi kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632/4632M-15a(2023)	Máy thử kéo nén model: KDKN- 171206, 100kN/0.001kN	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
83.	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM	Máy thử kéo nén model: KDKN- 171206,	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		D4533/4533M-15(2023)	100kN/0.001kN	Minh Đức Phan Minh Hiền
84.	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241-22; ISO 12236:2006	Máy thử kéo nén model: KDKN- 171206, 100kN/0.001kN và đầu xuyên	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
85.	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833/4833M-07(2020)	Máy thử kéo nén model: KDKN- 171206, 100kN/0.001kN và đầu xuyên	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
86.	Xác định áp lực kháng bức	TCVN 8871-5:2011	Thiết bị tạo áp lực nén, ngàm kẹp, dụng cụ đo kích thước mẫu...	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
87.	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:2011, TCVN 8486:2010	Máy lắc sàng, hạt thủy tinh	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
88.	Xác định cường độ khi kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010; ASTM D4595	Máy thử kéo nén model: KDKN- 171206, 100kN/0.001kN	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
89.	Sức bền kháng thủng bằng phép thử rơi côn	TCVN 8484:2010	Bộ thiết bị rơi côn + giá đỡ, thang đo	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
90.	Xác định khả năng thấm xuyên	TCVN 8487:2010	Thiết bị thử nghiệm thấm xuyên hình chữ U, đồng hồ bấm dây, cân kỹ thuật, nhiệt kế	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
91.	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009; ASTM D5199	Dụng cụ đo độ dày và đồng hồ so	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
92.	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ nối	ASTM D2256/D2256M-21	Máy thử kéo nén model: KDKN- 171206,	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			100kN/0.001kN	Minh Đức Phan Minh Hiền
XIII. THỬ NGHIỆM RỌ ĐÁ BỌC NHỰA				
93.	Độ bền kéo và độ giãn dài kéo đứt của vỏ bọc nhựa PVC và độ giãn dài kéo đứt	ASTM D 412 - 16(2021)	Máy thử kéo nén model: KDKN- 171206, 100kN/0.001kN, thước kẹp điện tử 200mm/0.01mm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
94.	Giới hạn bền kéo đứt lõi thép	ASTM A730, BS EN10244-2	Máy thử kéo nén model: KDKN- 171206, 100kN/0.001kN, thước kẹp điện tử 200mm/0.01mm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
95.	Lực căng vòng xoắn mắc cáo	ASTM A975	Máy thử kéo nén model: KDKN- 171206, 100kN/0.001kN, thước kẹp điện tử 200mm/0.01mm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
XIV. PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG				
96.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	Bút thử pH (HANNA) (0-14pH), độ chính xác $\pm 0,1$ pH) hay máy xác định độ pH, dung dịch hiệu chuẩn độ pH trước khi đo	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
97.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích có độ chính xác (0,0001g), Tủ sấy 300 ⁰ c (± 1 °C), lò nung 1000 ⁰ c, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén bạch kim, giấy lọc không tro, phễu lọc.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
98.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích có độ chính xác (0,0001g), Tủ sấy 300 ⁰ c (± 1 °C), lò nung 1000 ⁰ c, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén bạch kim, giấy lọc không tro, phễu lọc.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
99.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:1988	Ông nghiệm có chiều dài từ 150÷200mm,	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			bình đong dung tích 100ml và 1000ml, Buret dung tích 5ml,10ml.	Minh Đức Phan Minh Hiền
100.	Xác định lượng ion Clorua	TCVN 6194:1996	Phễu lọc thủy tinh 30ml, cân phân tích 220g (0.0001g), ống nghiệm, Buret dung tích 25ml, thuốc thử : AgNO ₃ , chất chỉ thị kali cromat, HCl, NaOH, CaCO ₃ hoặc NaHCO ₃	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
101.	Xác định hàm lượng ion Sunfat	TCVN 6200 :1996 ASTM D 516 - 22	Phễu lọc thủy tinh 30ml, cân phân tích 220g (0.0001g), ống nghiệm, Buret dung tích 25ml, thuốc thử : AgNO ₃ , chất chỉ thị metyl da cam, HN0 ₃ , NaOH, C ₂ H ₅ OH Na ₂ CO ₃	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
XV. THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
102.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	22TCN 02:71; TCVN 12791:2020, TCVN 8728:2012	Dao đai tròn bằng thép, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền Trần Văn Tổng
103.	Qui trình thí nghiệm xác định độ chặt nền, móng bằng phễu rót cát	22TCN 346:06	Phễu rót cát, cân kỹ thuật, 30kg/1g, bếp ga hoặc dùng cồn	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền Trần Văn Tổng
104.	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nôm đo khe hở, cọ quét	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền Trần Văn Tổng
105.	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng	TCVN 9335:2012	Máy siêu âm bê tông C369N, Thiết bị súng	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông		bật nảy	Minh Đức Phan Minh Hiền Trần Văn Tổng
106.	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở tiếp đất	Nguyễn Huỳnh Minh Đức
107.	Cọc – phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	kích thủy lực 0÷3000kN; đồng hồ so 0÷100mm	Nguyễn Huỳnh Minh Đức Trần Văn Tổng
108.	Thử khả năng chịu tải của ống cống bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 9113:2012	Thước thép 500mm,1000mm (1mm), thước đo góc , bộ kích 300kN + tay kích đồng hồ áp, bộ gối uốn, thước lá.	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền Trần Văn Tổng
109.	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Thiết bị súng bật nảy bê tông	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
110.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9365:2012	Bộ dụng cụ xuyên (bao gồm mũi xuyên hình ống), búa	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
111.	Xác định modul đàn hồi của đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
112.	Xác định môđun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền
113.	Thử nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573	Cánh cắt, cần cắt, bộ phận đo momen, thiết bị tạo lực, phụ kiện đi kèm	Cao Minh Thu Nguyễn Huỳnh Minh Đức Phan Minh Hiền

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng An Hậu chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung công bố và tuân thủ các qui định của pháp luật có liên quan.

**CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG AN HẬU**

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh An Giang
- Lưu VT